

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2021/DSST

Ngày: 25/5/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy L

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Kim L

2. Bà Đỗ Thị Lệ H

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ An T – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy N - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2021/TLST-DS ngày 19/02/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2021/QĐST-DS ngày 05/5/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A**

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, Phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S** – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Liên hệ: Ngân hàng TMCP A– CN Cần Thơ

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Chí K** – Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ: Lý Tự Trọng, phường A, quận N, Tp. Cần Thơ. Có mặt. (*Văn bản ủy quyền ngày 04/0/2021*)

*** Bị đơn: Ông **Bùi Minh Đ**, sinh năm 1979**

Địa chỉ: khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/01/2017, ông Bùi Minh Đ đã ký hợp đồng tín dụng số 008/2017/HĐTD-CNCT với Ngân hàng TMCP A Chi nhánh Cần Thơ (gọi tắt là Ngân hàng). Hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho ông Đ vay tín chấp, số tiền

180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng); Mục đích vay tiêu dùng; Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 04/01/2017 đến ngày 04/01/2022); Lãi suất 12,85%/năm, thả nổi, điều chỉnh theo định kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hình thức thanh toán: Trả nợ gốc định kỳ 01 tháng/lần 3.000.000 đồng và chia thành 60 phân kỳ, trả cố định vào ngày 05 hàng tháng, kỳ cuối trả vào ngày đáo hạn hợp đồng. Trả lãi cố định vào ngày 05 hàng tháng tính theo dư nợ thực tế. Kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên là ngày 06/02/2017. Theo khế ước nhận nợ số 008/2017/CT/KU – 01 ký ngày 04/01/2017, ông Bùi Minh Đ đã ký nhận nợ số tiền 180.000.000 đồng.

Trong thời hạn vay, bị đơn thanh toán được cho Ngân hàng 08 kỳ (từ ngày 06/02/2017 đến ngày 05/9/2017) và một phần tiền gốc của kỳ thứ 9 (ngày 05/10/2017). Tổng số tiền ông Đ đã trả cho Ngân hàng là 38.807.041 đồng. Kể từ 05/10/2017 đến nay, ông Đ vi phạm hợp đồng, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nợ quá hạn và làm việc trực tiếp với ông Đ nhưng ông Đ vẫn không thanh toán.

Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông Bùi Minh Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 09/12/2020 là 237.426.909 đồng. Trong đó, vốn gốc 155.954.397 đồng, và lãi xuất phát sinh tính theo mức lãi thỏa thuận và lãi suất nợ quá hạn qui định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Nếu ông Đ không trả nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án cho phát mãi tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ kiện nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, vụ kiện thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Tòa án nhân dân quận N tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa,

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn thay đổi ý kiến, không yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản để trả nợ cho Ngân hàng khi bản án có hiệu lực. Giữ nguyên các yêu cầu còn lại và không yêu cầu vợ bị đơn liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

Theo bảng tự khai và bảng kê tính nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn gốc, tính đến ngày 25/5/2021, bị đơn còn thiếu nguyên đơn là 250.786.542 đồng, trong đó nợ gốc là 155.954.397 đồng; nợ lãi trong hạn là 45.508.655 đồng; lãi quá hạn là 49.323.490 đồng.

Bị đơn vắng mặt không có lý do nên tòa án không ghi nhận được ý kiến.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm túc theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án: Hợp đồng ký kết giữa các bên là phù hợp. Ông Bùi Minh Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận. Đề nghị chấp nhận ý kiến rút lại yêu cầu phát mãi tài sản nếu như bị đơn không thanh toán nợ cho nguyên đơn của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đủ cơ sở để xác định giữa Ngân hàng TMCP A và bị đơn ông Bùi Minh Đ có xác lập hợp đồng tín dụng, theo đó ông Đ vay tiền với mục đích tiêu dùng. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Bùi Minh Đ có hộ khẩu tại khu vực 2, phường An Khánh, quận N, thành phố Cần Thơ nhưng đã bán nhà và hiện không còn sinh sống tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi ký hợp đồng, ông thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, nơi làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, nơi cư trú tại quận N của ông Đ được xem là nơi cư trú cuối cùng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Bùi Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Bùi Minh Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại Tòa; Xét thấy, có đủ cơ sở xác định bị đơn và nguyên đơn có giao kết các hợp đồng tín dụng đúng như trình bày của nguyên đơn. Thỏa thuận tại hợp đồng của các đương sự phù hợp với quy định tại điểm Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đủ năng lực trách nhiệm dân sự và giao kết trên cơ sở tự nguyện nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Bị đơn không thanh toán tiền đúng theo thỏa thuận hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 155.954.397 đồng là phù hợp, nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn trả tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm theo mức lãi suất nợ quá hạn qui định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, đối với yêu cầu trả lãi là 94.832.145 (chín mươi bốn triệu tám trăm ba mươi hai nghìn một trăm bốn mươi lăm) đồng là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của đại diện nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có ý kiến rút lại yêu cầu tòa án cho phát mãi tài sản để trả nợ cho Ngân hàng, là sự tự nguyện của đại diện nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Xây dựng Việt Nam (VIB) đối với bị đơn là ông Bùi Minh Đ.

Buộc bị đơn ông Bùi Minh Đ trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/5/2021 là 250.786.542 (hai trăm năm mươi triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi hai) đồng. Bao gồm:

- Nợ gốc là 155.954.397 (Một trăm năm mươi lăm triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi bảy) đồng;

- Nợ lãi là 94.832.145 (chín mươi bốn triệu tám trăm ba mươi hai nghìn một trăm bốn mươi lăm) đồng; trong đó nợ lãi trong hạn là 45.508.655 (bốn mươi lăm triệu năm trăm lẻ tám nghìn sáu trăm năm mươi lăm) đồng; Nợ lãi quá hạn 49.323.490 (Bốn mươi chín triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Đình chỉ yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

4. Về án phí và các chi phí khác:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.539.327 (mười hai triệu năm trăm ba mươi chín nghìn ba trăm hai mươi bảy) đồng.

Nguyên đơn được nhận lại 5.936.000 đồng (Năm triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003553 ngày 04/01/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ khi tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Thi hành án quận N;
- TAND TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thùy L